

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ QUỐC TẾ HOÀNG GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG GIA INTERNATIONAL SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HAGICO JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108283674

**3. Ngày thành lập:** 21/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ô 125 - Lô B, Khu đô thị mới Đại Kim - Định Công, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.66.812.680

Fax: 0243.66.812.680

Email: [hagico68@gmail.com](mailto:hagico68@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác. | 4932     |
| 2.  | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm                                                                                                                             | 5590     |
| 3.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh các quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                  | 5610     |
| 4.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch                                                                                                                  | 7490     |
| 5.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                     | 7710     |
| 6.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                             | 7911     |
| 7.  | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế<br>(Điều 31 Luật Du lịch năm 2017)                                                                                                          | 7912     |
| 8.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                               | 7920     |
| 9.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                      | 8121     |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                  | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559        |
| 12. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn du học (Điều 106 Nghị định 46/2017/NĐ-CP)<br>- Tư vấn giáo dục;<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục;<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                                                         | 8560        |
| 13. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (Điều 8 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài)                                                                                                                                                                                                                                   | 7830(Chính) |
| 14. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7721        |
| 15. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê xe du lịch không kèm người lái                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7730        |
| 16. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7810        |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>(không bao gồm kinh doanh các quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5510        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                           | 5229        |
| 19. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7820        |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG | 42 Phố Mã Mây, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 175.000    | 1.750.000.000         | 35,000    | 0251800006<br>14                                                                            |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 175.000    | 1.750.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN HOÀNG ANH    | Số 01 Ngõ 93 Nghĩa Dũng, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 0011760045<br>17                                                                            |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN QUỐC VĂN     | Số 42 Phố Mã Mây, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 175.000    | 1.750.000.000         | 35,000    | 0010790095<br>68                                                                            |         |
|     |                     |                                                                                      | Tổng số           | 175.000    | 1.750.000.000         | 35,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/06/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 025180000614

Ngày cấp: 20/09/2017

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 42 Phố Mã Mây, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 42 Phố Mã Mây, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội